TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 270/2023/DS-ST
Ngày 27/12/2023

V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Bà Trần Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Diễm Linh – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 27/12/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 627/2023/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 321/2023/QĐXXST- DS ngày 01 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc Duy Q, địa chỉ: Buôn M, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Duy B – Sinh năm: 1977, địa chỉ: Tổ dân phố E, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu R (Có đơn xin xét xử vắng mặt) và ông Trần Văn B1 (Có mặt), địa chỉ: Số H đường Y, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Ông Nguyễn Ngọc Duy Q yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Thu R và ông Trần Văn B1 trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 600.000.000đồng (sáu trăm triệu đồng), theo Hợp đồng vay tiền ngày 13/10/2022 giữa ông Nguyễn Ngọc Duy Q và bà Nguyễn Thị Thu R, ông Trần Văn B1 và nội dung tin nhắn: "Thứ sáu, 18 Th3, 2022 . 10:50 Ngày 18/3/2022 rum vay quý 100tr(2thang)"; và tiền lãi suất tạm tính

500.000.000đồng x 1%/tháng x 11 tháng = 55.000.000đồng và 100.000.000đồng x 1%/tháng x 19 tháng = 9.500.000đồng, và lãi suất đến ngày xét xử sơ thẩm.

**** Quá trình tham gia tố tụng bà Nguyễn Thị Thu R, tại phiên tòa ông Trần Văn B1 trình bày:***

Đối với khoản tiền nợ gốc với tổng số tiền 600.000.000đồng (sáu trăm triệu đồng) mà ông Nguyễn Ngọc Duy Q khởi kiện thì bà R, ông B1 đồng ý trả nợ và thừa nhận đối với tổng số tiền nợ gốc này. Về lãi suất theo giấy vay tiền thì lãi suất 1%/tháng hiện tại đang trong thời gian khó khăn nên bà R, ông B1 yêu cầu không tính lãi. Về thời hạn trả nợ bà R, ông B1 xin trả dần 01 năm trả 30 triệu đồng, nếu có thì trả nhiều hơn.

**** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày và xin xét xử vắng mặt:*** Ông Nguyễn Ngọc Duy Q đã làm đơn đề nghị chuyển vụ án sang cơ quan điều tra, không nộp đơn cho cơ quan điều tra hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án sang cơ quan điều tra do bà Nguyễn Thị Thu R, ông Trần Văn B1 đã tẩu tán tài sản.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị Thu R, ông Trần Văn B1 phải trả cho ông Nguyễn Ngọc D Quý số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng và lãi phát sinh.

- *Về án phí*: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu R. Nguyên đơn, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu R có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; bà Nguyễn Thị Thu R, ông Trần Văn B1 cùng

thống nhất và thừa nhận tổng số tiền nợ gốc vay mượn là 600.000.000đồng (sáu trăm triệu đồng), theo Hợp đồng vay tiền ngày 13/10/2022 giữa ông Nguyễn Ngọc Duy Q và bà Nguyễn Thị Thu R, ông Trần Văn B1 với số tiền 500.000.000đồng (Năm trăm triệu đồng) và nội dung tin nhắn: "Thứ sáu, 18 Th3, 2022 . 10:50 Ngày 18/3/2022 rum vay quý 100tr(2thang)" với số tiền 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng). Mức lãi suất 1%/tháng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Các bên đều thừa nhận số tiền nợ gốc còn nợ là 600.000.000đồng (sáu trăm triệu đồng). Đối với quan điểm của bà R, ông B1 xin trả dần 01 năm trả 30 triệu đồng, nếu có thì trả nhiều hơn, về lãi suất 1%/tháng hiện tại đang trong thời gian khó khăn nên bà R, ông B1 yêu cầu không tính lãi, thì đều không được nguyên đơn đồng ý. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc Duy Q để buộc bà Nguyễn Thị Thu R, ông Trần Văn B1 phải trả cho ông Nguyễn Ngọc D Quý số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng và lãi phát sinh mà các bên thỏa thuận, cụ thể:

- Khoản vay 500.000.000đồng lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay từ ngày 13/10/2022 đến ngày 13/11/2022. Lãi từ ngày 13/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/12/2023 = 01 năm (60 triệu) + 02 tháng (10 triệu) + 14 ngày (2.333.333 đồng) = 72.333.333 đồng.

- Khoản vay 100.000.000đồng lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay từ ngày 18/3/2022 đến ngày 18/5/2022. Lãi từ ngày 18/3/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/12/2023 = 01 năm (12 triệu) + 09 tháng (9 triệu) + 09 ngày (300.000 đồng) = 21.300.000 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm bị đơn phải trả là 693.633.333đồng.

[4] Đối với quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án sang cơ quan điều tra do bà Nguyễn Thị Thu R, ông Trần Văn B1 đã tẩu tán tài sản: Hội đồng xét xử xét thấy quá trình vay tài sản giữa ông Nguyễn Ngọc Duy Q với bà Nguyễn Thị Thu R, ông Trần Văn B1 không có tài sản bảo đảm; ông Nguyễn Ngọc Duy Q nộp đơn khởi kiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không nộp đơn cho cơ quan điều tra hình sự, tại phiên tòa xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Thu R, ông Trần Văn B1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể như sau: 693.633.333đồng = 20.000.000đồng + (293.633.333 đồng x 4%) = 31.745.333đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 116, Điều 117, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc Duy Q. Buộc bà Nguyễn Thị Thu R và ông Trần Văn B1 phải trả cho ông Nguyễn Ngọc D Quý tổng số tiền 693.633.333đồng (Trong đó số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng và lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 93.633.333đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng tương ứng với thời gian chậm trả.

[3] Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu R và ông Trần Văn B1 phải chịu số tiền 31.745.333đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Duy Q số tiền 15.290.000đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0004195 ngày 27/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP . BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Đức Mạnh